

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình
Năm báo cáo: 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3100301045
- Vốn điều lệ: 58.000.000.000đồng
- Vốn pháp định: 6.000.000.000đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 58.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: TDP13 – Bắc Lý – Đồng Hới – Quảng Bình
- Số điện thoại: (0232) 3822365
- Số fax: (0232) 3840721
- Website: <http://biaquangbinh.com>
- Mã cổ phiếu: BQB
- Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày thành lập: Quyết định số 2092/QĐ-TCCB ngày 11/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Thời điểm niêm yết:

Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

- Các sự kiện khác.

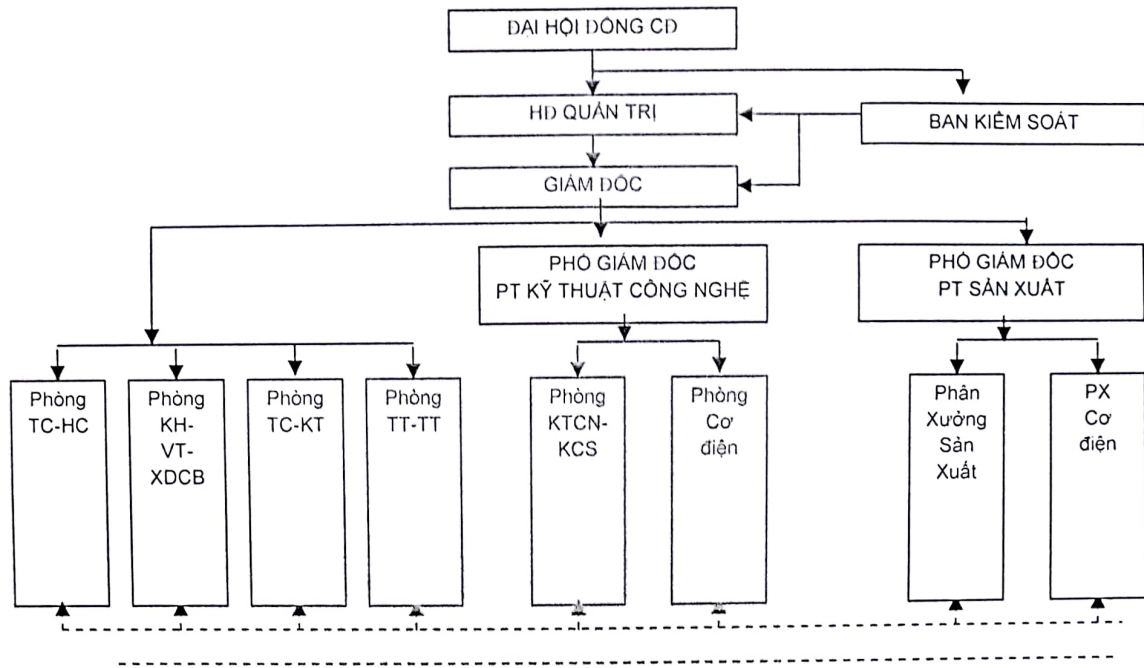
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

– Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất đồ uống (bia, rượu, nước giải khát); xuất nhập khẩu dây chuyền thiết bị sản xuất, nguyên vật liệu sản xuất bia; mua, bán (cả XNK) đồ uống bia, rượu, NGK các loại; kinh doanh các dịch vụ du lịch; Cho thuê tài sản (Nhà hàng kinh doanh dịch vụ, nhà kho và nhà văn phòng);

- Địa bàn kinh doanh: toàn lãnh thổ Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: theo mô hình công ty cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Đơn vị phụ thuộc:

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Thực hiện kế hoạch SXKD do Tổng công ty mẹ giao hàng năm; giữ vững chất lượng sản phẩm; sản xuất kinh doanh tuân thủ pháp luật; tìm kiếm lợi nhuận; phát triển bền vững.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Sản xuất đảm bảo công suất từ 20 đến 23 triệu lít bia/năm.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: đảm bảo vệ sinh môi trường; xử lý nước thải theo quy định; tạo đủ việc làm thu nhập ổn định và đảm bảo các chế độ cho lao động; tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng.

5. Các rủi ro:

- Tình hình biến động của giá cả vật tư nguyên liệu đầu vào; lãi suất vay; các loại thuế; dịch vụ công cộng và tiền lương đều ảnh hưởng đến SXKD.
- Máy móc thiết bị hư hỏng, ngừng sản xuất.
- Tình hình cạnh tranh; giảm sản lượng bán.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

SX-TT được 15,881 triệu lít bia các loại;

Thu lợi nhuận sau thuế 0,38 tỷ đồng;

Nộp 84,7 tỷ đồng tiền thuế;

- Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv: kế hoạch SXKD được

giao thấp hơn năm trước; giá cả các loại vật tư tăng; giá điện tăng; hoàn thành hệ thống nấu mới đi vào hoạt động.

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

(Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch	Cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Minh Tuấn	Giám đốc	Nam - Sinh năm 1958 - kỹ sư điện	109.860
2	Nguyễn Thanh Lộc	Phó giám đốc	Nam – Sinh năm 1961 – kỹ sư sinh học	50.350
3	Nguyễn Thị Nam Hương	Phó giám đốc	Nữ – Sinh năm 1969 – kỹ sư hóa thực phẩm	29.650
4	Nguyễn Thị Bích Thủy	Kế toán trưởng	Nữ - Sinh năm 1970 – thạc sĩ kinh tế	18.700

– Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm):

Bà Nguyễn Thị Nam Hương được bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Công ty từ ngày 01/01/2017.

– Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Sản xuất: 149 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết). Không

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
<i>* Công ty CP Bia Hà Nội – Quảng Bình</i>			
Tổng giá trị tài sản (trđ)	115.793	90.115	-22,2%
Doanh thu thuần (trđ)	106.604	89.741	-15,8%
Lợi nhuận từ hoạt động KD (trđ)	597	878	+47,0%
Lợi nhuận khác (trđ)	1.062	-204	-119,2%
Lợi nhuận trước thuế (trđ)	1.660	674	-59,4%
Lợi nhuận sau thuế (trđ)	1.201	381	-68,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (trđ)	1,8%	0,66%	
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

– Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,12	1,44	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,69	0,55	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,36	0,19	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,57	0,24	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	6,7	5,1	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,92	0,99	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,12%	0,42%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,67%	0,54%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,03%	0,42%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động			

kinh doanh/Doanh thu thuần	0,56%	0,98%	
-------------------------------------	-------	-------	--

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	Ghi chú
<i>1. Quy mô vốn</i>			
- Vốn điều lệ			
- Tổng tài sản có			
- Tỷ lệ an toàn vốn			
<i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi			
- Doanh số cho vay			
- Doanh số thu nợ			
- Nợ quá hạn			
- Nợ khó đòi			
- Hệ số sử dụng vốn			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
<i>3. Khả năng thanh khoản</i>			
- Khả năng thanh toán ngay			
- Khả năng thanh toán chung			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- a) Cổ phần: Tổng số cổ phần: 5.800.000cp
Trong đó: cổ phần phổ thông: 5.800.000cp
Mệnh giá: 10.000đ/cp
- b) Cơ cấu cổ đông:
- a. Cổ đông tổ chức:
- Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội: 3.598.970cp - chiếm 62,05%
 - b. Cổ đông cá nhân khác: 2.201.030cp – chiếm 37,85%
- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm không có thay đổi vốn ĐT của CSH
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
- e) Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc: có báo cáo chi tiết kèm theo

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Có báo cáo chi tiết kèm theo

12/11/2017

I. Quản trị công ty (c)

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số CP	Thành viên
1	Ngô Quế Lâm	Chủ tịch	3.018.970	Không điều hành
2	Phạm Trung Kiên	Ủy viên	28.300	Không điều hành
3	Nguyễn Bích Thủy	Ủy viên	290.000	Không điều hành
4	Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	290.000	Điều hành
5	Nguyễn Thị Bích Thủy	Ủy viên	18.700	Kế toán trưởng

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

Thư ký Công ty: Trương Đình Hoạch

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Có số liệu trong báo cáo của HĐQT

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số CP	Thành viên
1	Trương Xuân Quý	Trưởng ban	0	Chuyên trách
2	Phạm Thị Nhung	Thành viên	0	Kiểm nhiệm
3	Nguyễn Như Khuê	Thành viên	0	Kiểm nhiệm

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: có báo cáo chi tiết kèm theo

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Phụ cấp năm đã nhận (đ)	Ghi chú
1	Ngô Quế Lâm	48.000.000	

2	Phạm Trung Kiên	24.000.000	
3	Nguyễn Minh Tuấn	288.000.000	
4	Nguyễn Thị Bích Thủy	190.320.000	
5	Nguyễn Bích Thủy	24.000.000	
6	Nguyễn Như Khuê	18.000.000	
7	Phạm Thị Nhung	18.000.000	
8	Trương Xuân Quý	96.000.000	
9	Nguyễn Thanh Lộc	184.800.000	
10	Nguyễn Thị Nam Hương	173.712.000	
11	Trương Đình Hoạch	18.000.000	
	Cộng	1.089.800.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Mua thêm cổ phiếu:

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội (Công ty mẹ):

+ Bán bia: 165.378.013.510đ

+ Mua nguyên vật liệu: 31.241.051.798đ

+ Mua thương hiệu bia: 164.118.319đ

+ Chia cổ tức 2016: 647.814.600đ

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

II. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Có chi tiết trong Báo cáo của Kiểm toán độc lập

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



Nguyễn Minh Tuấn

